TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2026/HNGĐ-ST
Ngày 13/02/2026
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Kim Thu.

Bà Nguyễn Thị Túy Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Yến – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 636/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2026/QĐXX-HNGĐ ngày 02 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hà P, sinh năm 1992; nơi thường trú: số F, đường T, tổ C, phường K, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ tạm trú: số A đường Đ, khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tiến Q, sinh năm 1988; nơi thường trú: số F, đường T, tổ C, phường K, tỉnh Quảng Ngãi; địa chỉ tạm trú: số A đường Đ, khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung trong đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà P trình bày:

Bà P và ông Q tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q1, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là phường K, tỉnh Quảng Ngãi) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2019 ngày 09 tháng 01 năm 2019.

Sau khi kết hôn, bà P và ông Q chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau một thời gian thì bà P và ông Q bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, bà P và ông Q thường xuyên phát sinh mâu thuẫn cãi vã, sống với nhau không còn hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: bà P yêu cầu được ly hôn với ông Q, không muốn đoàn tụ.

Về con chung: quá trình chung sống, bà P và ông Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/02/2019. Bà P yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà P không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt ngày 27/01/2026, bị đơn ông Nguyễn Tiến Q trình bày:

Ông Q thống nhất với ý kiến của bà P về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, mâu thuẫn phát sinh, về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà P thì ông Q đồng ý, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: ông Q đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà P.

Về con chung: ông Q thống nhất với ý kiến của bà P, sau khi ly hôn ông Q đồng ý giao con chung là cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/02/2019 cho bà P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: do bà P không yêu cầu nên ông Q yêu cầu không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: ông Q thống nhất với ý kiến của bà P, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Q không có yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho bà P được ly hôn với ông Q; về con chung: đề nghị giao con chung là cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/02/2019 cho bà P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bà P không yêu cầu nên ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nghĩa

vụ chung về tài sản: do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: bà P khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với ông Q; ông Q có địa chỉ tạm trú tại: số A đường Đ, khu phố B, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà P và bị đơn ông Q đều đã có văn bản trình bày ý kiến và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ quy định tại các điểm a khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà P và ông Q.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: bà P và ông Q chung sống và có đăng ký kết hôn vào ngày 09 tháng 01 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân phường Q1, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là phường K, tỉnh Quảng Ngãi) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2019, do đó quan hệ hôn nhân của bà P và ông Q là hợp pháp.

Nguyên đơn bà P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Q. Quá trình giải quyết vụ án, bà P và ông Q đều có văn bản trình bày ý kiến thống nhất ly hôn, không đồng ý đoàn tụ. Ngoài ra, bà P và ông Q đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2024 đến nay và hiện nay không còn sống chung; không cùng chăm sóc, nuôi dưỡng con chung; không cùng nhau xây dựng kinh tế cũng như hạnh phúc gia đình; không còn thương yêu, quý trọng, quan tâm lẫn nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa bà P và ông Q đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà P và ông Q thống nhất ly hôn là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà P về việc xin ly hôn với ông Q.

[4.2] Về con chung: quá trình sống chung, bà P và ông Q có 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/02/2019, hiện nay cháu N đang sống chung với bà P. Bà P yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ông Q đồng ý giao con chung là cháu N cho bà P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

bà P, giao con chung là cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/02/2019 cho bà P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[4.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: bà P không yêu cầu ông Q phải cấp dưỡng nuôi con nên ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[4.4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: bà P và ông Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[6] Về án phí sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các điểm a khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hà P đối với ông Nguyễn Tiến Q về việc "Ly hôn và tranh chấp nuôi con".

1.1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Hà P được ly hôn với ông Nguyễn Tiến Q.

1.2. Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Khánh N, sinh ngày 10/02/2019 cho bà Nguyễn Thị Hà P trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

1.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: ông Q không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

1.4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Hà P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0031993 ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngân